

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TXD23B**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MD03306**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Xây gạch**

Số TC: **3**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2355802014736	Hồ Bảo	Duy	18/01/2008				7	8.0	7.0	7.0		7.0		7.1
2	2355802014739	Nguyễn Thiên	Đạt	16/06/2007				8	8.0	8.5	8.5		8.5		8.4
3	2355802014743	Phạm Thanh Hùng	Em	06/08/1982				7	6.0	6.5	7.0		6.0		6.2
4	2355802014746	Nguyễn Minh	Khang	14/09/2008				7	6.0	7.0	7.0		7.0		6.9
5	2355802014747	Ngô Quốc	Luân	05/05/2008				8	7.0	7.0	7.0		7.0		7.1
6	2355802014749	Cao Thành	Nghĩa	24/08/2008				7	6.0	7.0	7.0		6.5		6.6
7	2355802014751	Nguyễn Thành	Nghĩa	01/08/2004				8	8.0	7.0	7.0		8.5		8.1
8	2355802014752	Nguyễn Triệu Thành	Nhân	23/08/2008				8	7.0	7.5	7.0		6.5		6.8
9	2355802014753	Nguyễn Văn	Phú	28/11/2008				7	8.0	7.0	7.0		8.0		7.7
10	2355802014754	Huỳnh Bảo	Phúc	12/11/2008				8	6.0	7.0	7.0		6.5		6.6
11	2355802014757	Nguyễn Phúc	Thịnh	15/12/2008				7	8.0	8.0	8.0		8.0		7.9
12	2355802014758	Trương Hòa	Thịnh	31/07/2008				8	7.0	8.0	7.0		7.0		7.2
13	2355802014759	Dương Văn	Thọ	10/03/1991				7	7.0	6.5	6.0		6.0		6.2
14	2355802014760	Nguyễn Phước	Thông	16/03/2008				7	6.5	7.0	7.0		6.0		6.3
15	2355802014761	Quách Tuấn	Thuận	21/10/2008				8	6.5	6.5	6.5		6.0		6.3
16	2355802014763	Nguyễn Hữu	Tĩnh	01/09/2008				8	8.0	7.0	8.0		8.0		7.9
17	2355802014765	Võ Trần Việt	Tuyển	11/06/2008				8	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0
18	2355802014767	Nguyễn Quốc	Việt	18/03/2008				8	6.0	6.5	7.0		6.0		6.3
19	2355802014768	Nguyễn Trung	Vĩnh	13/10/2008				8	7.0	7.0	8.0		8.0		7.8

Châu Đốc, ngày 6 tháng 1 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Chí Hiếu